

Số: *MF*/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *29* tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn, Thôn 1 xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Chỉnh trang khu dân cư nông thôn, thôn 01 xã Tân Lĩnh số 156/BC-HĐTĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chỉnh trang khu dân cư nông thôn, thôn 01 xã Tân Lĩnh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 168/CV-QLDA ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên và hồ sơ chỉnh sửa kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 272/TTr-STNMT ngày 21 tháng 6 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chỉnh trang khu dân cư nông thôn, Thôn 1 xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu


tư xây dựng huyện Lục Yên (sau đây gọi là *Chủ dự án*) thực hiện tại Thôn 1, xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giao thông vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3 ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Phước

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN CHỈNH TRANG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN, THÔN 1 XÃ TÂN LĨNH,
HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số: *M7* /QĐ-UBND ngày *29* tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Chỉnh trang khu dân cư nông thôn, thôn 1 xã Tân Lĩnh.
- Địa điểm thực hiện: Thôn 1, xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.
- Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây huyện Lục Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô.

- Phạm vi: Dự án thực hiện thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng để phát triển quỹ đất dân cư tại thôn 1, xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên với diện tích sử dụng đất là 6.000 m². Trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 5.475,21 m².

- Quy mô dân số tối đa dự án: 128 người.
- Tọa độ khu vực thực hiện dự án như sau:

Điểm	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trục 104 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
A1	2445599,8	499193,3
A2	2445626,8	499218,3
A3	2445612,1	499238,9
A4	2445543,3	499370,2
A5	2445514,1	499357,4
A6	2445550,5	499282,1
A7	2445593,2	499200,6

1.3 Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình chính

- San tạo mặt bằng quỹ đất dân cư với diện tích khoảng 6.000 m² để bố trí đất dân cư với số lượng 32 lô đất; diện tích đất dân cư 4.037,78 m² (diện tích 32 lô đất); đất giao thông nội đồng 520.27 m²; diện tích đất hạ tầng kỹ thuật 1.411,05 m² (vía hè, hệ thống thoát nước...).

- Đường giao thông nội đồng với bề rộng mặt đường B = 2,0 m, giáp phía sau chân mái ta luy mặt bằng quỹ đất, nền, mặt đường đắp đất K90.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, rãnh dọc, bó vỉa, vỉa hè; hệ thống điện sinh hoạt; nước sinh hoạt; hệ thống xử lý nước thải và các hạng mục phụ trợ tại quỹ đất khu dân cư.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án phải thực hiện chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước là 5.475,21 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng.
- Phát quang thảm thực vật.
- Đắp, san tạo mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.
- Hoạt động của các máy móc, phương tiện thi công và sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, có khả năng ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh và cảnh quan, môi trường, hệ thống giao thông khu vực dự án.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Hoạt động duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục, công trình.
- Hoạt động thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng
 - + Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng 1,8 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD, COD, tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P) và các vi sinh vật...

- + Nước thải xây dựng: Phát sinh từ hoạt động rửa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công xây dựng với lưu lượng 14,12 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng và dầu mỡ khoáng...

+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh từ quá trình nước mưa trên bề mặt công trường thi công với lưu lượng 24,12 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng, bùn, đất đá...

- Giai đoạn hoạt động

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, kinh doanh của người dân trong khu dân cư với lưu lượng 12,8 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD, COD, tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P) và các vi sinh vật...

+ Nước mưa chảy tràn: Phát sinh quá trình nước mưa trên bề mặt khu dân cư với lưu lượng 29,1 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn, đất đá...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải và mùi

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông và máy móc thi công; quá trình đắp, san nền, bốc xúc và vận chuyển đất đá thải, nguyên vật liệu; xây dựng các hạng mục công trình của dự án... Thành phần chủ yếu là bụi, bụi PM₁₀, SO₂, NO_x, CO, VOC, HC, H₂S...

- Giai đoạn hoạt động: Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông cá nhân, quá trình nấu ăn của các hộ dân, khu vực tập trung chất thải rắn, khu xử lý nước thải... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi và các khí độc: CO, CO₂, SO₂, NO_x, NH₃, CH₄, H₂S...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân trên công trường với tổng khối lượng phát sinh 16,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì,...

+ Chất thải rắn xây dựng: Vật liệu xây dựng thải phát sinh từ quá trình thi công với tổng khối lượng 2,15 tấn/giai đoạn. Thành phần chủ yếu là đất cát, gạch đá, vỏ bao vật liệu, cốt pha, sắt thép...

- Giai đoạn hoạt động

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân với tổng khối lượng 102 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại...

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung với khối lượng 4,0 kg/ngày (*chu kỳ nạo vét bùn là 06 tháng/lần*).

b) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công và sinh hoạt của công nhân tại công trường với tổng khối lượng phát sinh 49,0 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, gang tay; bóng đèn huỳnh quang thải; vỏ chai đựng dầu nhớt; ắc quy hỏng; các bộ phận hỏng của máy móc có dính dầu, mỡ;...

- Giai đoạn hoạt động: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày sửa chữa thiết bị của người dân với tổng khối lượng phát sinh khoảng 0,37 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, dầu mỡ thải; giẻ lau dính dầu...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện giao thông vận tải (*xe tải chuyên chở vật liệu, máy móc thi công, nguyên vật liệu xây dựng...*); tiếng ồn từ các loại máy móc thi công (máy đầm nén, máy xúc, xe lu...); tiếng ồn từ hoạt động thi công hàn, cắt,...

- Giai đoạn hoạt động: Nguồn phát sinh chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải của người dân và khách vãng lai trong khu dân cư. Ngoài ra còn có một số loại phương tiện vận tải qua lại khác...

3.4. Các tác động môi trường khác và sự cố môi trường của dự án

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Dự án chuyển đổi 5.475,21 m² đất chuyên trồng lúa nước. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân có đất bị thu hồi.

- Nguy cơ sạt lở ta luy âm trong quá trình san tạo mặt bằng của dự án.

- Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: Sự cố do thiên tai (muru bão, lũ lụt); sự cố cháy nổ; vỡ, hỏng đường ống cấp, đường ống thu gom nước thải sinh hoạt...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án bố trí nhà vệ sinh di động được thiết kế gồm 2 buồng vệ sinh, thông số kỹ thuật nhà vệ sinh như sau: Dài x rộng x cao = 2,05 m x 1,45 m x 2,85 m, vật liệu chế tạo là composite. Vách ngăn 2 lớp, hai mặt lán cách nhiệt; bồn chứa nước 500 lít. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

+ Nước thải xây dựng: Chủ dự án bố trí hồ lắng sơ bộ 02 ngăn (kích thước mỗi ngăn là 3,0 m x 2,0 m x 1,0 m) để lắng sau đó dẫn vào hệ thống rãnh thoát

nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án rồi được dẫn ra suối Chuông, đây là nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh đào tràn thoát nước chạy bao quanh khu vực, kích thước 0,6 m x 0,6 m, trên tuyến rãnh bố trí các hố ga kích thước dài x rộng x sâu = 0,8 m x 0,8 m x 0,6 m thu nước, khoảng cách trung bình 40 m/01 hố. Nước mưa sau thu gom, lắng cặn được thải ra suối Chuông. Định kỳ sau mỗi đợt mưa đơn vị tiến hành nạo vét bùn đất trong rãnh thoát nước và hố thu.

- Giai đoạn hoạt động

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được thu gom và xử lý như sau: Các hộ gia đình trong phạm vi dự án phải đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải tại chỗ (bể tự hoại 03 ngăn) để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ; toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại các hộ gia đình được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (hệ thống thoát nước riêng) bằng ống tròn HDPE, UPVC đi trên hè, đường kính cống D110 để dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất 15 m³/ngày đêm.

Thông số kỹ thuật các hạng mục xử lý như sau:

STT	Thông số	Kích thước (DxRxH) (m)	Thể tích (m ³)
1	Song chắn rác	0,6 x 0,6	-
2	Bể thu gom (kết hợp chắn rác)	3,7 x 1,5 x 1,5	8,325
3	Bể tách dầu mỡ	2,3 x 1,4 x 1,5	4,83
4	Bể điều hòa	2,3 x 1,3 x 1,5	4,48
5	Cụm bể sinh học (thiếu khí- hiếu khí)		
	<i>Ngăn thiếu khí (Anoxic)</i>	1,2 x 1,3 x 1,5	2,34
	<i>Ngăn hiếu khí (Oxic)</i>	2,6 x 1,4 x 1,5	5,46
	<i>Bùn hóa chất sinh dưỡng</i>	-	500,0 lít
6	Bể lắng	1,4 x 1,4 x 1,5	2,94
7	Bể trung gian kết hợp khử trùng	1,4 x 1,3 x 1,5	2,73
8	Bùn hóa chất khử trùng	-	500,0 lít
9	Bể chứa bùn	1,1 x 1,3 x 1,5	2,15
10	Bể sục cố	4 x 2,5 x 1,5	15

Quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 03 ngăn từ các hộ gia đình theo đường ống dẫn thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày đêm, gồm các bước xử lý như sau: Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng (dung dịch là dung dịch Javen) → Nguồn tiếp nhận (suối Chuông). Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được bơm sang bể chứa bùn và định kỳ thuê đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1,0) trước khi thải ra ngoài môi trường.

Hóa chất sử dụng: Bột NaOCl.

Vật liệu sử dụng: Giá thể MBBR.

+ Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa dọc trục đường Tỉnh lộ 152 thiết kế với khẩu độ thoát nước $L_0 = 60$ cm, lắp đặt tấm đan đáy rãnh hoàn chỉnh, đáy rãnh, thành rãnh bằng bê tông M200, dày 20cm, tấm đan đáy rãnh kích thước dài x rộng x sâu 1,0 m x 0,9 m x 0,11 m bằng bê tông cốt thép M200. Cống tròn D100 nối với đường Tỉnh lộ 152 đã có tổng chiều dài cống $L = 42$ m, bằng bê tông M200.

b) Đối với bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Các phương tiện vận chuyển (*nguyên vật liệu*) phải có bạt che phủ; sử dụng các phương tiện thi công, vận chuyển còn niên hạn sử dụng và được đăng kiểm theo quy định; kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ đối với các máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển theo quy định; hạn chế sử dụng đồng thời nhiều máy móc, thiết bị thi công trong cùng một thời điểm;

+ Không bố trí thời gian vận chuyển vào giờ cao điểm; hạn chế hoạt động thi công công trình trước 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều.

+ Rửa lốp xe và gầm xe tải trước khi ra khỏi công trường 1 lần/chuyến.

+ Phủ bạt che kín đối với xe chở đất đắp tránh rơi vãi.

+ Tưới nước giảm bụi 2 lần/ngày vào những ngày vận chuyển đất đắp, tuyến đường tỉnh lộ 152 trong vòng bán kính 1 km tính từ khu vực dự án.

+ Bố trí đội vệ sinh trên công trường có nhiệm vụ thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường, tuyến đường Tỉnh lộ 152 (giáp dự án), tuyến đường vận chuyển đất đắp vào những ngày hanh khô và dọn dẹp đất đá rơi vãi trên đường vận chuyển đất đắp.

+ Thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng hoạt động trên công trường.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Trồng cây xanh trong khu vực dự án để giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

+ Khí thải phát sinh do quá trình đun nấu của người dân sinh sống tại dự án: Khuyến khích người dân sử dụng bếp điện từ; tuyên truyền với các hộ dân sinh sống trong dự án đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

+ Mùi phát sinh từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt tối thiểu 01 lần/01 ngày nên để giảm thiểu tối đa mùi phát sinh trong quá trình lưu giữ, hạn chế phát tán mùi ảnh

hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế; xây dựng trạm xử lý cách ly với khu dân cư, trồng và duy trì các dải cây xanh. Mùi khí phát sinh từ các bể của hệ thống sẽ được thu gom và xử lý qua tháp xử lý mùi (hấp phụ bằng than hoạt tính) trước khi thải ra ngoài môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại công trường được thu gom, lưu giữ bằng 02 thùng rác có nắp đậy bằng composite, dung tích mỗi thùng 200 lít đặt gần khu vực lán trại của dự án. Toàn bộ lượng rác thải phát sinh được thuê Công ty Cổ phần Quản lý chợ và vệ sinh môi trường Yên Thế vận chuyển xử lý.

+ Chất thải rắn xây dựng: Gạch vỡ, cát, bê tông vỡ được thu gom tận dụng lại để cứng hoá bề mặt khu vực thi công xây dựng. Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Giai đoạn hoạt động

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Các hộ gia đình có trách nhiệm tập kết rác thải sinh hoạt tại thùng thu gom của mỗi gia đình. Phân loại rác có khả năng tái chế và rác không có khả năng tái chế. Rác có khả năng tái chế được bán cho các cơ sở thu mua phục vụ tái chế. Rác không có khả năng tái chế sẽ được thu gom về khu trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt diện tích 15 m² nằm trong khu vực dự án (gần trạm xử lý nước thải), bố trí các phương tiện để lưu giữ rác thải (thùng rác, xe đẩy tay,...) hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

+ Chất thải rắn thông thường: Toàn bộ chất thải phát sinh từ hoạt động phát dọn, chăm sóc cây xanh, nạo vét rãnh nước, hồ thu được tận dụng bón vào các gốc cây trong diện tích cây xanh của dự án.

+ Bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải: Định kỳ 3-6 tháng/lần đơn vị quản lý vận hành thuê đơn vị có chức năng đến hút và xử lý theo quy định.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích khoảng 12 m², có biển báo, biển cảnh báo, bố trí phương tiện, thiết bị lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Các hộ gia đình thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ

và xử lý theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Lựa chọn các thiết bị thi công có mức ồn thấp, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất; định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện thi công; công nhân thi công tại công trường phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

- Giai đoạn hoạt động: Tuân thủ các quy định về tiếng ồn, độ rung; bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để các phương tiện giao thông lưu thông qua khu vực dự án hạn chế sử dụng còi của phương tiện giao thông

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Phương án giảm thiểu tác động do suy giảm diện tích đất trồng lúa

Dự án chiếm dụng 5.475,21 m² đất chuyên trồng lúa nước. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

b) Giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, ngập úng, sạt lở, bồi lắng

Thực hiện công tác giám sát các hoạt động thi công san nền, thi công đường giao thông, thi công hệ thống cống thoát nước; tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công phù hợp; hạn chế những ảnh hưởng từ thiên tai, các hạng mục công trình thi công đúng kỹ thuật và quy trình xây dựng; xây dựng phương án phòng chống mưa lũ, thiên tai trước mùa mưa bão; che chắn các bãi vật liệu đất đá để hạn chế bị nước mưa cuốn trôi; rãnh đào có bố trí các hố ga tại các khu vực như lán trại nhà điều hành, bãi tập kết để lắng cặn đất, đá, sỏi, cát... trước khi nước thải tiêu thoát vào môi trường xung quanh.

c) Các biện pháp giảm thiểu do hoạt động thi công đến suối Chuông

- Tổ chức công tác thi công xây dựng đặc biệt là hoạt động thi công đào đào đắp và thi công xây dựng vào những ngày mưa để giảm thiểu nguy cơ sạt mòn đất.

- Đất đắp sau khi vận chuyển về dự án vận chuyển về đến đâu được tiến hành san gạt và lu nền ngay đến đó.

- Bố trí đội vệ sinh trên công trường có nhiệm vụ thường xuyên quét dọn mặt bằng công trường.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai: Bố trí lực lượng ứng trực phòng chống thiên tai lũ lụt trên công trường thi công để giám sát, kịp thời phát hiện các thiệt hại, rủi ro, sự cố do mưa bão gây ra, tìm hướng khắc phục. Giám sát, phối hợp với bên môi trường tổ chức khơi thông hệ thống thoát nước trong phạm vi tác động của dự án.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng đều được học tập về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ: Cấm hút thuốc tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ; công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ; đầu tư các thiết bị phòng, chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nguyên vật liệu, nhiên liệu tại công trường; phải bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, xô, chậu để mức nước, cát, hệ thống ống phun nước...

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường (*đoạn ra vào dự án*).

b) Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

- Phòng chống cháy nổ từ các hộ gia đình: Tuyên truyền các hộ dân thiết kế hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng khí; xây dựng bảng hướng dẫn về cách xử lý sự cố khi rò rỉ khí gas và phổ biến cho các hộ dân sinh sống trong khu vực; khuyến khích các hộ dân lắp đặt hệ thống cảnh báo rò rỉ khí gas;

- Biện pháp an toàn điện: Mỗi khu vực cấp điện khác nhau đều được đặt hệ thống aptomat bảo vệ quá tải ngắn mạch tại các tủ điện: Trong quá trình xây dựng, mỗi hộ gia đình trong dự án phải thực hiện hệ thống điện và các biện pháp an toàn điện. Hệ thống các aptomat này được tính chọn và bố trí một cách chọn lọc, phân cấp và khoa học. Bảo đảm loại trừ nhanh và chính xác khi có sự cố về điện xảy ra tại mỗi khu vực trong công trình.

- Đối với sự cố công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho

hệ thống xử lý nước thải của dự án. Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường về quá trình điều hành hệ thống xử lý chất thải, ứng phó kịp thời với các trường hợp quá tải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường công thoát nước, tránh gây tắc nghẽn, ú đọng.

- Xây bể ứng phó sự cố nước thải 15 m³.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố, thuê đơn vị có chức năng đến hút và vận chuyển nước thải đến cơ sở có chức năng xử lý tạm thời. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của dự án đạt Quy chuẩn Việt Nam hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát (02 vị trí): Khu vực lối vào dự án trên trục đường Tỉnh lộ 152; khu dân cư gần khu vực dự án.

- Thông số giám sát: Bụi tổng TSP, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b) Giám sát môi trường nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát (01 vị trí): Mẫu nước thải sau hố lắng sơ bộ.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B).

c) Giám sát chất thải rắn, CTNH

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn, CTNH.

- Chỉ tiêu giám sát: Nguồn thải, thành phần, lượng thải, công tác thu gom, xử lý.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

d) Giám sát sạt lở, bồi lắng

- Chỉ tiêu giám sát: Sự cố sạt lở, bồi lắng.

- Tần suất: Thường xuyên.

5.2 Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

a) Giám sát nước thải

- Vị trí: Mẫu nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày đêm

+ Tần suất: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

+ Thông số giám sát: pH, BOD5 (20°C), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng nitơ (N), tổng phot pho (P), tổng dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng; dầu mỡ thải và chất thải nguy hại; khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại.

+ Khu lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3 Giám sát giai đoạn vận hành

a) Giám sát nước thải sinh hoạt

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ. Tuy nhiên, khuyến khích dự án thực hiện quan trắc, giám sát để

thực hiện đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải sinh hoạt với những nội dung như sau:

- Vị trí: Mẫu nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày đêm.

+ Tần suất: 6 tháng/lần

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), sunfua (H₂S), amoni (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1).

b) Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan và tuân thủ một số yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây:

6.1. Nếu dự án sử dụng đất đá từ Dự án Chính trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên làm vật liệu đất đắp để san lấp tạo mặt bằng thì Dự án Chính trang đô thị, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên phải đảm bảo thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan.

6.2. Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng công trình, Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.3. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ dự án thực hiện bàn giao công trình để quản lý khai thác, vận hành theo quy định. Đơn vị được giao quản lý vận hành có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp, đặc biệt là vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

6.4. Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

6.5. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6.6. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái xung quanh khu vực.

6.7. Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án phải thực hiện đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

6.8. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.9. Thực hiện nghiêm chỉnh chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.10. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

6.11. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.